

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2020/DS-PT
Ngày 10-12-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán:

Ông Đào Minh Đa

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 354/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 317/2020/QĐPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987- Chủ Hộ kinh doanh H.TG); địa chỉ: Số 26/3, khu phố B, phường T1, thành phố T2, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số nhà 562, khu phố H, phường H1, thành phố T2, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần Tấn K, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 39/8 đường BC 63, khu phố B1, phường B2, thành phố T2, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số 467/9 Đại lộ Bình Dương, khu 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 08/7/2020).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kiều M, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 5/52 đường P, phường T3, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Số nhà 562, khu phố H, phường H1, thành phố T2, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG, ông Nguyễn Văn H là chồng bà T.

Ngày 26/3/2019, bà T, ông H và bà Trần Thị Kiều M ký kết “Thỏa thuận hoa hồng” dựa theo Hợp đồng thuê xe đã ký số 20190326-2019/BD-HĐTX giữa bà T và Công ty TNHH V. Nội dung thỏa thuận giữa bà T và bà M như sau: Bà T đồng ý cho bà M tìm kiếm và giới thiệu khách hàng thuê xe dài hạn với hoa hồng là 4.000.000 đồng/tháng; số tiền chi trả trong vòng 24 tháng là 96.000.000 đồng; phương thức và thời gian trả hoa hồng: Được trả sau khi hoàn thành hợp đồng số 20190326-2019/BD-HĐTX. Thực hiện hợp đồng hoa hồng trên, bà T đã chuyển khoản và trả trực tiếp cho bà M, tổng số tiền là 96.000.000 đồng.

Sau khi hợp đồng thuê xe thực hiện được 04 tháng 20 ngày, đến ngày 05/9/2019, Công ty TNHH V đã ra Thông báo chấm dứt hợp đồng thuê xe số 20190326-2019/BD-HĐTX với bà T, Công ty TNHH V đã thực hiện việc bồi thường theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho bà T.

Nhận thấy, số tiền hoa hồng được chi trả dựa trên hợp đồng thuê xe giữa bà T và Công ty TNHH V. Nay, hợp đồng thuê xe chấm dứt nên bà T yêu cầu bà M phải trả lại số tiền 76.000.000 đồng và đồng ý thanh toán cho bà M 05 tháng với số tiền 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 76.000.000 đồng, nay nguyên đơn xác định do sau khi chấm dứt hợp đồng thuê xe, Công ty V đã thỏa thuận trả cho bà T tổng cộng 09 tháng tiền thuê nên bà T chỉ yêu cầu bà M trả lại tiền hoa hồng của 15 tháng không thực hiện hợp đồng thuê xe là 60.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Bị đơn thống nhất trình bày của nguyên đơn về nội dung “Thỏa thuận hoa hồng” ngày 26/3/2019 và số tiền 96.000.000 đồng bà M đã nhận của bà T. Công việc của bà M là tìm kiếm khách hàng tiềm năng cho bà T và thúc đẩy hợp đồng thuê xe giữa bà T và Công ty V sớm được ký kết, thực hiện. Theo thỏa thuận không phải số tiền chi trả trong vòng 24 tháng mà là tiền hoa hồng của bà M được chi trả sau khi hợp đồng giữa bà T và Công ty V đã ký kết hoàn thành và công việc của bà M đã hoàn thành. Việc bà T và Công ty V chấm dứt hợp đồng không liên quan đến thỏa thuận hoa hồng giữa bà T và bà M nên bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn. Ông H là người trực tiếp lái xe cho Công ty V, sau khi hợp đồng thuê xe thực hiện được 05 tháng thì Công ty làm ăn thua lỗ phải chuyển ngành nghề kinh doanh nên không tiếp tục thuê xe của bà T được. Do đó, việc bà M đảm bảo giới thiệu khách hàng thuê xe cho bà T trong thời hạn 02 năm là vi phạm thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Kiều M phải trả cho bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG số tiền theo “Hợp đồng hoa hồng” đã ký giữa các bên ngày 26/3/2019 với số tiền là 60.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041082 ngày 26/11/2019; bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG còn phải nộp: 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 16/7/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, xác định tiền hoa hồng được tính theo tháng, tức 4.000.000 đồng/tháng, số tiền đã chi trả cho bà M nhiều hơn thời gian cho thuê xe (09 tháng) nên yêu cầu bà M trả số tiền còn lại tương ứng với thời gian không thực hiện hợp đồng thuê xe (15 tháng).

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định nghĩa vụ của bị đơn đã hoàn thành, bị đơn không liên quan gì đến hợp đồng thuê xe, tiền hoa hồng bị đơn được hưởng là 96.000.000 đồng, còn ghi 4.000.000 đồng/tháng để dễ tính số tiền tổng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng dịch vụ được ký kết ghi rõ thời hạn 24 tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng. Hợp đồng không ghi rõ tiền hoa hồng tính hàng tháng trên hợp đồng thuê xe hay tính xuyên suốt thời hạn thuê xe, dẫn đến mỗi bên giải thích hợp đồng theo một nghĩa. Căn cứ ý kiến của nguyên đơn thấy rằng, hợp đồng thuê xe đã ký kết trước hợp đồng dịch vụ, bên cho thuê không thông báo cho bị đơn biết, bên thuê xe đã thanh toán phí thuê xe và không thông báo cho bị đơn biết trạng thái hợp đồng thuê xe đã đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê xe nên lỗi thuộc về nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện bị đơn bà Trần Thị Kiều M về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ, theo đó bà T yêu cầu bà M trả lại cho bà T số tiền hoa

hồng bà T đã giao cho bà M tương ứng với thời gian không thực hiện hợp đồng thuê xe giữa bà T và Công ty TNHH V là 15 tháng với số tiền 60.000.000 đồng. Bị đơn bà M xác định bà M đã hoàn thành xong nghĩa vụ tìm kiếm khách hàng thuê xe của bà T theo hợp đồng dịch vụ theo “Thỏa thuận hoa hồng” ngày 26/3/2019, việc chấm dứt hợp đồng thuê xe giữa bà T và Công ty V không liên quan đến bà M nên bà M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ký kết và nội dung của “Thỏa thuận hoa hồng” ngày 26/3/2019 (bút lục 08-09) nên thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Theo “Thỏa thuận hoa hồng” ngày 26/3/2019 (bút lục 08-09) được ký kết giữa Bên A: H.TG (do bà Nguyễn Thị T là Chủ Hộ kinh doanh H.TG) và Bên B: Trần Thị Kiều M có nội dung như sau:

“Điều 1: SẢN PHẨM HOA HỒNG

Bên A đồng ý cho Bên B tìm kiếm và giới thiệu khách hàng thuê xe dài hạn (02 năm) TOYOTA FORTUNER (NEW BLACK, 2019)

Với hoa hồng là: 4.000.000/1 tháng.

Điều 2: SỐ TIỀN CHI TRẢ

*4.000.000 * 24 = 96.000.000 VNĐ*

Tổng cộng: 96.000.000 VNĐ

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI GIAN TRẢ HOA HỒNG

Hoa hồng được trả sau khi hoàn thành hợp đồng Số: 02190326-2019/BD-HĐTX. Có chữ ký hai bên.

...”

Do đó, “Thỏa thuận hoa hồng” nêu trên có đủ điều kiện là hợp đồng dịch vụ theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật Dân sự. Trong đó, bà T là bên sử dụng dịch vụ và bà M là bên cung ứng dịch vụ; đối tượng của dịch vụ được cung ứng tìm kiếm và giới thiệu khách hàng thuê xe Toyota Fortuner (New Black, 2019) của bà T dài hạn (02 năm).

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có cách giải thích hợp đồng khác nhau, trong đó nguyên đơn giải thích tiền hoa hồng được tính theo tháng và gắn liền với thời hạn thực hiện hợp đồng thuê xe; bị đơn giải thích tiền hoa hồng được tính là 96.000.000 đồng, còn ghi 4.000.000 đồng/tháng cho dễ tính số tiền tổng, bị đơn được hưởng toàn bộ 96.000.000 đồng khi hợp đồng thuê giữa bà T và khách thuê xe được ký có đủ chữ ký của hai bên, không phụ thuộc hay liên quan gì đến hợp đồng thuê xe. Tuy nhiên, sau khi xem xét nội dung “Thỏa thuận hoa hồng” nhận thấy, tại “Thỏa thuận hoa hồng” có nội dung “*Hoa hồng được trả sau khi hoàn thành hợp đồng Số: 02190326-2019/BD-HĐTX. Có chữ ký hai bên; Với hoa hồng là: 4.000.000/1 tháng, ...*”; đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hợp đồng thuê xe đã được ký kết trước khi ký “Thỏa thuận hoa hồng”. Điều này thể hiện rõ ý chí của các bên khi ký hợp đồng dịch vụ với hoa hồng tính theo

tháng, gắn với thời hạn thuê xe theo hợp đồng thuê xe là 24 tháng, điều kiện hưởng 96.000.000 đồng phải hoàn thành thời hạn thuê xe là 24 tháng.

[2.4] Tuy nhiên, Hợp đồng thuê xe số 20190326-2019/BD-HĐTX ngày 26/3/2019 giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH V sau khi được ký kết và thực hiện đến tháng 9/2019 thì phía người thuê là Công ty TNHH V đã đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê xe kể từ tháng 9/2019 do điều kiện khó khăn, người cho thuê xe là bà T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG không có lỗi trong việc không tiếp tục thực hợp đồng thuê xe. Bà T thừa nhận sau khi các bên thực hiện hợp đồng thuê xe thì phía Công ty TNHH V đã thanh toán tiền thuê và bồi thường cho bà T tổng cộng 09 tháng (tương đương số tiền 333.000.000 đồng) và cho đến nay, chiếc xe nêu trên không có người khác thuê nên bà T chỉ yêu cầu bà M trả lại số tiền 60.000.000 đồng, tương đương với 15 tháng không thực hiện hợp đồng thuê xe gắn liền với hợp đồng dịch vụ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử có căn cứ sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 513 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Kiều M phải trả cho bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG số tiền 60.000.000 đồng theo “Hợp đồng hoa hồng” ngày 26/3/2019.

2.2. Buộc bị đơn bà Trần Thị Kiều M phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả

cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kiều M phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041082 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả cho bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh H.TG 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0050331 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Trúc